TAND HUYỆN L **TỈNH BẮC G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS-ST
Ngày 04-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tạ Thị T Thủy.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Từ Minh Hải
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 04/2020/TLST- HS ngày 20 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; tên gọi khác: Không có; Nơi sinh và nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không. nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; con ông Nguyễn Văn G và bà Trần Thị L; có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1982; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1977; tên gọi khác: Không có; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 4/12; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P; có vợ: Trần Thị N, sinh năm 1979; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 16/10/2019 đến ngày 25/10/2019, hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 (vắng mặt)
2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 (vắng mặt)
3. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997 (vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 15 phút ngày 16/10/2019, tại Đường tỉnh 293 Tộc thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc G, Tổ công tác của Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc G đã tiến hành kiểm tra đối với xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 772.79 do Nguyễn Văn T điều khiển, trên xe chở 01 bao tải dứa màu trắng được buộc kín nghi bên trong có pháo, kiểm tra đối với xe mô tô biển kiểm soát 98K4- 2814 do Nguyễn Văn K điều khiển, trên xe chở 01 bao tải dứa màu trắng và 02 bao tải dứa màu cam được buộc kín, bên trong nghi có pháo. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang và T giữ tang vật gồm:

- 01 bao tải dứa màu trắng bên trong có chứa 151 vật hình bóng đèn, một đầu bọc giấy mầu có dây dẫn màu xanh có in chữ nước ngoài nghi là pháo; 01 bao tải dứa màu trắng và 02 bao tải dứa màu cam bên trong mỗi bao tải dứa có đựng 06 khối hình hộp có kích thước (14,5x14,5x15)cm, bên ngoài bọc giấy màu in chữ nước ngoài nghi là pháo (các bao tải dứa được buộc kín và dán giấy niêm phong tại vị trí miệng bao).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, số IMEL: 354452061492703 và 01 sim Viettel có in số 8984048851001372356 (T giữ của Nguyễn Văn K) (được cho vào 01 phong bì thư dán kín và dán giấy niêm phong).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, số seri: EQEIV 0995SMJOFR8, 01 sim Viettel có in số 8984048000030334695 và 01 sim Viettel có in số 8984048008810851942 (T giữ của Nguyễn Văn T) (được cho vào 01 phong bì thư dán kín và dán giấy niêm phong).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu xe: Dream, số máy: HA08E-1690290, số khung: RLHHA0805AY390259, biển kiểm soát: 98B1-772.79.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu xe: WAVE S, số máy: JC43E-1667544, số khung: RLHJC4315BY115561, biển kiểm soát: 98K4-2814.

- 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 003447, mang tên Nguyễn Văn K, biển kiểm soát đăng ký 98K4-2814 do Công an huyện L cấp ngày 22 tháng 3 năm 2011.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc G đã ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với nơi ở của Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K. Kết quả khám xét không T giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tại bản kết luận giám định số 6192/C09-P2 ngày 18/10/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

-151 vật hình bóng đèn điện tròn, vỏ bọc giấy, một đầu mỗi vật có gắn dây ngòi màu xanh đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa Tốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 6kg pháo.

-18 khối hình hộp, vỏ bọc giấy màu, bên trong mỗi khối gồm 36 vật hình trụ, vỏ giấy được liên kết với nhau đều là pháo có đầy đủ đặc tính của pháo nổ (có chứa Tốc pháo và khi đốt có gây tiếng nổ). Tổng khối lượng là 25kg pháo.

Mẫu vật hoàn lại sau giám định gồm 04 bao tải dứa được niêm phong bên trong đều chứa mẫu vật là pháo.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K khai nhận về hành vi phạm tội của bản thân như sau:

Vào khoảng tháng 5/2019, Nguyễn Văn T gặp và quen biết với một người đàn ông tên là Biên (T không rõ tên tuổi địa chỉ cụ thể của Biên ở đâu) tại một đám cưới. Tại đây, T nói với Biên về việc có nhu cầu muốn mua pháo để bán cho những ai có nhu cầu mua lại. Biên nói khi nào có pháo bán thì sẽ liên lạc với T. Đến khoảng tháng 9/2019, T gặp và quen một người đàn ông tên Dũng (T không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể của Dũng). T và Dũng có nói chuyện với nhau về việc mua bán pháo. Biết Dũng có nhu cầu mua pháo nên T nói khi nào có pháo thì sẽ bán cho Dũng.

Khoảng 18 giờ ngày 16/10/2019, Biên gọi điện thoại cho T nói là có 151 quả pháo trứng bán với số tiền là 1.800.000 đồng và 18 bệ pháo, loại pháo 36 quả với số tiền là 4.200.000 đồng, tổng số tiền mua pháo là 6.000.000 đồng và hỏi T có mua không thì T đồng ý mua. Biên hẹn T ra đường liên thôn Giếng đi thôn A, khu vực nghĩa trang thôn Giếng, xã K để giao dịch mua bán pháo và hướng dẫn T để tiền mua pháo ở dưới hòn gạch tại nơi có pháo. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đi xe mô tô biển kiểm soát 98B1- 772.79 và mang theo 6.000.000 đồng ra vị trí đã hẹn để mua pháo của Biên. Khi đến nơi, T không thấy Biên ở đó mà chỉ thấy 04 bao tải dứa để ở bên đường, T mở 02 bao tải dứa ra để kiểm tra thì thấy có pháo như đã thỏa T. T để 6.000.000 đồng ở dưới hòn gạch như hướng dẫn của Biên rồi cất giấu 04 bao tải pháo vào bụi cây cách vị trí nhận pháo ban đầu khoảng 3m - 4m. Sau đó T gọi điện thoại cho Dũng nói đã có pháo bán và thỏa T bán với giá 6.300.000 đồng. Dũng đồng ý mua toàn bộ số pháo của T và hẹn T giao dịch mua bán pháo tại đường tỉnh 293 Tộc thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc G (do Dũng đang đi xe khách giường nằm đến đường tỉnh 293). T đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1977, là em họ ở cùng thôn với T để nhờ K chở pháo ra đường tỉnh 293 bán cho khách. K đồng ý. Khoảng hơn 19 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 98K4-2814 đến chỗ T cất pháo. Khi đến nơi K thấy T đang đứng đợi ở đó, trên xe của T có để 01 bao tải dứa và ở dưới đất còn 03 bao tải dứa. T bảo K cho 03 bao tải dứa ở dưới đất lên xe để chở đi giao cho khách. T có nói cho K biết bao tải trên

xe của T là pháo trứng còn 03 bao còn lại là pháo giàn loại 36 quả. Sau đó T điều khiển xe chở 01 bao pháo đi trước, còn K tự bốc 03 bao tải đựng pháo lên xe rồi điều khiển xe đi sau. Khi T và K đi đến đường tỉnh 293 Tộc địa phận thôn A, xã K, huyện L chờ Dũng đến để giao pháo thì bị Tổ công tác của Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc G kiểm tra, bắt quả tang và T giữ toàn bộ tang vật như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 08/CT- VKS ngày 16/01/2020 của VKSND huyện L, tỉnh Bắc G đã truy tố Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K về tội "Buôn bán hàng cấm" theo điểm c khoản 1 Điều 190 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo T và K khai: Các bị cáo đã có hành vi buôn bán pháo nổ như nội dung bản cáo trạng nêu là hoàn toàn đúng.

Đại diện VKSND huyện L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K phạm tội " Buôn bán hàng cấm". Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 190; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của BLHS.

- Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 18-24 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36- 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt: Nguyễn Văn K từ 15-18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30-36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã K, huyện L giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Phạt bổ sung mỗi bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

Tịch T tiêu hủy: 04 bao tải dứa chứa pháo nổ do Viện khoa học hình sự Bộ công an hoàn lại sau giám định; 01 sim Viettel có in số 8984048851001372356; 01 sim Viettel có in số 8984048000030334695 và 01 sim Viettel có in số 8984048008810851942.

Sau khi nghe Kiểm sát viên luận tội và đề xuất quan điểm giải quyết vụ án, các bị cáo không tranh luận gì.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo, của những người liên quan, vật chứng của vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 19 giờ ngày 16/10/2019, Nguyễn Văn T có hành vi vận chuyển 6kg pháo và nhờ Nguyễn Văn K vận chuyển 25kg pháo ra khu vực đường tỉnh 293 Tộc thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc G mục đích để bán trái phép cho đối tượng tên Dũng (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) để kiếm lời. Khi T và K đang đứng chờ Dũng đến để giao nhận pháo thì bị Tổ công tác của Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Bắc G tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và T giữ toàn bộ tang vật.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Buôn bán hàng cấm" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 của BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm, trong đó có pháo nổ các loại. Nên phải xử phạt các bị cáo tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất vụ án, vai trò và nhân thân của các bị cáo thấy: Các bị cáo đều biết pháo nổ là mặt hàng Nhà nước cấm buôn bán nhưng vẫn có hành vi buôn bán pháo nổ nhằm kiếm lời bất chính. Bị cáo T là người giao dịch và liên lạc mua pháo nên bị cáo T có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo K có vai trò đồng phạm, nhưng hành vi của các bị cáo chỉ là đồng phạm giản đơn nên cần áp dụng Điều 17, Điều 58 của BLHS đối với các bị cáo.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong qúa trình điều tra, truy tố và xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải. Gia đình các bị cáo đều có công với Cách mạng nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS. Ngoài ra các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của BLHS.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử xét thấy: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS nên cho các bị cáo hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa P cũng đủ sức giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo buôn bán nhằm mục đích kiếm lời nên cần thiết phải phạt bổ sung các bị cáo một khoản tiền sung quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này, T khai mua pháo của người đàn ông tên Biên để bán cho người tên là Dũng nhưng đều không biết cụ thể họ tên và địa chỉ của hai người này nên cơ quan điều tra chưa có căn cứ để xác minh làm rõ và xử lý theo quy định.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu xe: Dream, biển kiểm soát: 98B1-772.79 do T sử dụng để chở pháo đi bán xác định là xe T mượn của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 trú tại thôn A, xã K, huyện L, tỉnh Bắc G. Chị T

không biết việc T sử dụng chiếc xe trên để vận chuyển pháo đi bán. Ngày 28/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã xử lý vật chứng trả lại cho chị T chiếc xe trên là có căn cứ.

Về chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, kiểu xe: WAVE S, biển kiểm soát: 98K4-2814 đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn K. Ngày 26/8/2019, K đã bán chiếc xe này cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1986 ở cùng thôn. Ngày 16/10/2019, K mượn lại chiếc xe này của anh T để đi chở pháo cho T. K không nói cho anh T biết về việc sử dụng xe để vận chuyển pháo. Ngày 28/11/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã xử lý vật chứng trả lại cho anh T chiếc xe nói trên cùng đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn K là có căn cứ.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE T giữ của Nguyễn Văn K xác định là của anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1997 (là con của Nguyễn Văn K), chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (T giữ của Nguyễn Văn T) xác định là của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (là vợ của Nguyễn Văn T). Ngày 10/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã quyết định xử lý vật chứng, trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho chủ sở hữu là có căn cứ.

Về vật chứng vụ án: Số pháo nổ do Viện khoa học hình sự Bộ công an hoàn lại sau giám định, 01 sim Viettel có in số 8984048851001372356 (T giữ của Nguyễn Văn K), 01 sim Viettel có in số 8984048000030334695 và 01 sim Viettel có in số 8984048008810851942 (T giữ của Nguyễn Văn T) cần tịch T tiêu hủy.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, 4 Điều 190; điểm s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của BLHS.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn K phạm tội " Buôn bán hàng cấm".

2. Xử phạt: Nguyễn Văn T 02 (Hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 4 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Xử phạt: Nguyễn Văn K 01(một) năm 03 (Ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo 20 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo cho UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc G giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch T tiêu hủy: 04 bao tải dứa chứa pháo nổ do Viện khoa học hình sự Bộ công an hoàn lại sau giám định; 01 sim Viettel có in số 8984048851001372356; 01 sim Viettel có in số 898404800030334695 và 01 sim Viettel có in số 898404800810851942 (theo biên bản giao nhận vật chứng số 31 ngày 09/02/2020)

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136; Điều 331, Điều 333 của BLTTHS; Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sư dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc G;
- VKSND tỉnh Bắc G;
- VKS; Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo, người liên quan;
- UBND xã K, L;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị T Thủy